TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-02-2023.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.
2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa***:* ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Lê Tấn K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Lê Thị Bạch T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Tấn Kiệt trình bày**:

Anh và chị Lê Thị Bạch T sống chung với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/11/2003. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay anh K yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bạch T.

Về con chung: có 02 con chung tên:

- Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013.

- Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007.

Khi ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007. Anh K đồng ý giao con chung Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* **Tại bản tự khai bị đơn chị Lê Thị Bạch T trình bày**:

Chị và anh Lê Tấn K sống chung với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/11/2003. Hiện nay chị và anh K đã không còn sống chung, nay chị đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: có 02 con chung tên:

- Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013.

- Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007.

Nay ly hôn, chị T đồng ý giao con chung Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007 cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Kiệt với chị Thu. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013 cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn anh K có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn chị Thu có

đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K, chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T sống chung với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/11/2003. Quá trình chung sống, anh K và T có phát sinh mâu thuẫn với nhau, có cự cãi, gây gổ. Nên nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị T cũng đồng ý ly hôn. Nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị T.

[4]. Về con chung: Có 02 con chung gồm: Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013 và Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007. Khi ly hôn anh K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hiện nay cháu Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007 đang sống chung với anh K, cháu Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013 đang sống chung với chị T nên việc anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

[5]. Về cấp dưỡng: Do anh K, chị T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh K, chị T không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: anh K, chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tấn K và chị Lê Thị Bạch T.

- Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Minh T, sinh ngày 18/10/2007 cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Lê Ngọc Minh T tròn 18 tuổi. Giao con chung Lê Ngọc Mai T, sinh ngày 18/08/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí HNST: Anh K xin tự nguyện chịu hết 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh K đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026671 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cấn trừ nên hoàn lại cho anh K số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- UBND thị trấn V;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh